TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGD-ST
Ngày 25 tháng 9 năm 2020
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châm Thị Vân Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Văn Hưng

2. Bà Dương Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giáp- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Vũ – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2020/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Xóm Th, xã T, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng Kh, sinh năm 1976

Nơi ĐKHKTT: Xóm Thg, xã T, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Hiện anh Kh đang chấp hành án phạt tù tại Phân trại số 3, Trại giam Thanh Phong, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

(Chị T có mặt, anh Kh vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị kết hôn với anh Nguyễn Đăng Kh tháng 10 năm 1996, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.Trong quá

trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 1 năm thì anh Kh mắc nghiện ma túy và cờ bạc, mặc dù anh Kh đã đi cai nghiện ma túy nhiều lần nhưng không thành. Từ năm 2011, anh Kh đã phải đi chấp hành án nhiều lần và hiện nay đang chấp hành án tại đội 15 phân trại 3, Trại giam Thanh Phong, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đăng Kh.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Nguyễn Đăng T, sinh ngày 16/11/1998 và Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 09/9/2010. Cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay cháu Nguyễn Thị Hải Y đang ở với chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Yến vì cháu còn nhỏ nên cần nhiều sự chăm sóc từ mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Hai bên tự thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Đăng Kh tại bản tự khai trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Anh thừa nhận về thời điểm kết hôn theo nội dung mà chị T trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có nhiều mâu thuẫn, anh đã ba lần đi chấp hành án phạt tù tại trại giam nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nay chị T xin ly hôn thì anh nhất trí.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung như chị T trình bày là đúng. Cháu Nguyễn Đăng T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn anh nhất trí để chị T nuôi cháu Nguyễn Thị Hải Y.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Hai bên tự thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Đăng Kh hiện đang chấp hành án tại đội 15 phân trại 3, Trại giam Thanh Phong, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nên không thể đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Anh Kh đề nghị được xét xử vắng mặt, nên vụ án phải đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên ý kiến của mình như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đăng Kh.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 09/9/2010 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

-Về Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Hai bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét

-Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng**:** Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bị đơn anh Nguyễn Đăng Kh có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm Thanh Lương, xã Tân Hòa, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đăng Kh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đăng Kh là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị T xin ly hôn anh Kh theo chị T trình bày là do anh Kh mắc nghiện ma túy và cờ bạc, mặc dù anh Kh đã đi cai nghiện ma túy nhiều lần nhưng không thành. Từ năm 2011, anh Kh đã phải đi chấp hành án nhiều lần và hiện nay đang chấp hành án tại đội 15 phân trại 3, Trại giam Thanh Phong, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Phía anh Kh cũng xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh ba lần đi chấp hành án, nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Kh đã có nhiều năm, nguyên nhân là do anh Kh nghiện ma túy, cờ bạc và đã 3 lần đi chấp hành án tại trại giam nên vợ chồng không có hạnh phúc, hiện tại vợ chồng vẫn đang sống ly thân. Chị T làm đơn xin ly hôn, anh cũng nhất trí. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh Kh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh Kh là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Đăng Tú , sinh ngày 16/11/1998 và Nguyễn Thị Hải Yến, sinh ngày 09/9/2010.

Hiện nay cháu Tú đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xét về điều kiện thực tế và nguyện vọng của các bên, Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay cháu Nguyễn Thị Hải Y còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ cả về vật chất lẫn tinh thần. Anh Kh hiện nay đang chấp hành án phạt tù trong trại giam. Tại bản tự khai của cháu Y, cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy, cần giao cháu Nguyễn Thị Hải Y cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh Kh có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1.Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Đăng Kh.

2.Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 09/9/2010 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Đăng Kh có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở.

3.Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

4.Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001113 ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị T báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Kh vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Bình;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS huyện Phú Bình;
- UBND xã Tân Hòa, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Châm Thị Vân Khánh